

QUYẾT ĐỊNH số 1334/1998/QĐ-BTC ngày 05/10/1998 về việc sửa đổi và bổ sung giá mua tối thiểu tại cửa khẩu để tính thuế nhập khẩu tại Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 590A/1998/QĐ-BTC ngày 29/4/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ thẩm quyền và nguyên tắc định giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ phần II Thông tư số 72A-TC/TCT ngày 30/8/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ; và Công văn số 3696-TC/TCT ngày 23/9/1998 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục Hải quan tại Công văn số 3330/TCHQ-KTTT ngày 24/9/1998,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung giá mua tối thiểu tại cửa khẩu của một số mặt hàng quy định dưới đây, để các cơ quan thu thuế làm căn cứ xác định giá tính thuế nhập khẩu của các mặt hàng cùng loại tại Bảng giá mua tối thiểu tại cửa khẩu để tính thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 590A/1998/QĐ-BTC ngày 29/4/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

Số thứ tự	Tên hàng	Đơn vị tính	Giá tính thuế (USD)
1	- Rượu Green Soju	lít	1,50
2	- Rượu Windsor Premier Whisky	lít	5,00
3	- Rượu Jinro Gold Soju	lít	1,50
4	- Rượu Jinro Mild Soju	lít	1,50
5	- Rượu Jinro Korean Ginseng	lít	2,50
6	- Rượu Napoleon Brandy VSOP	lít	5,00
7	- Rượu Cluny Scotch Blended Whisky	lít	4,00
8	- Rượu Glen Lyon Scotch Blended Whisky	lít	4,00
9	- Rượu Otard VSOP	lít	15,00
10	- Rượu Otard Jade	lít	15,00
11	- Rượu Whisky Scotch Grants	lít	5,00
12	- Rượu Clan McGregor	lít	4,50

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực và áp dụng đối với tất cả các lô hàng nhập khẩu có tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 15 tháng 10 năm 1998./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 134/1998/TT-BTC ngày 15/10/1998 hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn.

Căn cứ:

Hiệp định tín dụng Phát triển ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) ngày 8/11/1997 về dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn;

Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế ký ngày 8/11/1997 về khoản đồng tài trợ của Chính phủ Hà Lan ủy thác qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế để thực hiện dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn;

Nghị định số 87/CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 và 92/CP ngày 23/8/1997 của Chính phủ ban hành và sửa đổi Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 43/CP ngày 16/7/1996 và 93/CP ngày 23/8/1997 của Chính phủ ban hành và sửa đổi Quy chế đấu thầu; Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước và các thông tư hướng dẫn thực hiện các nghị định;

Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Thông tư liên tịch số 81/1998/TTLT/BTC-NHNN ngày 17/6/1998 của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn quy trình, thủ tục và quản lý việc rút vốn đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức;

Quyết định số 693/TTg ngày 27/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn;

Sau khi thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng các nguồn vốn cho dự án như sau:

Phần I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Cơ quan chủ dự án là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Để triển khai dự án và phối hợp các hoạt động thực hiện dự án Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Ban Quản lý dự án Trung ương.

1.2. Ban Quản lý dự án tỉnh là một trong các Ban Quản lý dự án tỉnh (5 tỉnh) và vùng được bảo vệ (1 vùng) có quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong các quyết định thành lập Ban Quản lý dự án của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.3. IDA là Hiệp hội Phát triển Quốc tế.

1.4. Dự án là dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 693/TTg ngày 27/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Vốn vay là nguồn vốn IDA cho Chính phủ Việt Nam vay theo Hiệp định Tín dụng phát triển số 2996-VN ký ngày 8/11/1997 cho dự án.

1.6. Vốn viện trợ là nguồn vốn Chính phủ Hà Lan viện trợ không hoàn lại cho Chính phủ Việt Nam theo Hiệp định viện trợ số TF 021604 ký ngày 8/11/1997 cho dự án. Vốn viện trợ này được ủy thác tại IDA, và được giải ngân từ IDA.

1.7. Các Hiệp định là Hiệp định Tín dụng Phát triển số 2996-VN và Hiệp định Viện trợ không hoàn lại số TF 021604 ký giữa Chính phủ Việt Nam và IDA ngày 8/11/1997 cho dự án.

1.8. Vốn đối ứng là nguồn vốn đóng góp của Chính phủ Việt Nam trong dự án, được bố trí trong kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nguồn vốn này được ngân sách trung ương cấp phát cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực thi dự án.

1.9. Ngân hàng phục vụ là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

1.10. Tài khoản đặc biệt là tài khoản dự án (Ban Quản lý dự án Trung ương) mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tiếp nhận vốn vay/vốn viện trợ chuyển từ IDA.

1.11. Tài khoản cấp phát vốn là tài khoản các Ban quản lý dự án mở tại các Cục Đầu tư phát triển tỉnh để theo dõi việc sử dụng vốn vay, vốn viện trợ và vốn đối ứng cấp phát cho dự án.

1.12. Đồng tiền của tài khoản đặc biệt là đồng USD.

1.13. Đồng tiền của tài khoản cấp phát vốn là đồng Việt Nam.

Phần II. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

I. CÁC NGUỒN VỐN TÀI TRỢ

1. Dự án được tài trợ bằng các nguồn vốn sau:

1.1- Vốn vay IDA;

1.2- Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hà Lan ủy thác qua IDA;

1.3- Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

II. NỘI DUNG CHI CỦA CÁC NGUỒN VỐN CHO DỰ ÁN

2.1- Nguồn vốn vay IDA:

- Giao đất
- Chương trình hỗ trợ xã hội
- Dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp
- Quản lý rừng vùng đệm
- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn
- Quản lý dự án và tăng cường tổ chức.

2.2- Nguồn vốn viện trợ.

- Quản lý vùng rừng được bảo vệ
- Kế hoạch cộng đồng
- Quản lý dự án và tăng cường tổ chức.

2.3- Nguồn vốn đối ứng:

- Quản lý vùng rừng được bảo vệ
- Kế hoạch cộng đồng

- Giao đất
- Chương trình hỗ trợ xã hội
- Dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp
- Quản lý rừng vùng đệm
- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn
- Quản lý dự án và tăng cường tổ chức.

2.4- Các nguồn vốn vay của IDA, vốn viện trợ của Chính phủ Hà Lan là nguồn thu ngân sách nhà nước của Chính phủ Việt Nam. Bộ Tài chính có trách nhiệm thu vào ngân sách nhà nước và thông qua hệ thống Tổng cục Đầu tư Phát triển cấp phát cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện dự án đã được phê duyệt, và theo dõi quản lý khoản vay, trả nợ khi đến hạn (cả gốc và lãi).

2.5- Cục Đầu tư Phát triển nơi cấp phát cho dự án có trách nhiệm thực hiện việc quản lý tài chính, kiểm tra, xác nhận khối lượng thực hiện, đồng thời cấp phát vốn trực tiếp cho dự án.

2.6- Dự án được cấp vốn từ hai nguồn, vốn trong nước và vốn ngoài nước. Việc cấp vốn trong nước thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Vốn ngoài nước được cấp theo các quy định của Thông tư này, phù hợp với các quy định trong nước và của nhà tài trợ.

2.7- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích và nội dung dự án được duyệt phù hợp với các điều kiện đã cam kết trong Hiệp định vay, Hiệp định viện trợ và các văn bản liên quan kèm theo các Hiệp định.

2.8- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý giám sát các tài sản của dự án, của Ban Quản lý dự án theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

2.9- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phục vụ việc rút vốn từ IDA để thanh toán cho dự án khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện rút vốn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được hưởng phí dịch vụ theo từng lần rút vốn (gồm phí mở L/C, phí gửi chứng từ, điện tín, fax...) theo quyết định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng. Khoản phí dịch vụ nói trên được tính vào tổng chi phí của dự án.

Phần III. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. MỞ TÀI KHOẢN

1.1- Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án Trung ương mở 2 tài khoản đặc biệt, một cho nguồn vốn IDA và 1 cho nguồn vốn Hà Lan (sau đây gọi chung là tài khoản đặc biệt).

1.2- Tại Cục Đầu tư Phát triển Hà Nội, Ban Quản lý dự án Trung ương mở tài khoản cấp phát vốn để theo dõi việc sử dụng các nguồn vốn cấp phát cho dự án.

1.3- Tại Cục Đầu tư Phát triển địa phương, Ban quản lý dự án tỉnh mở tài khoản cấp phát vốn để tiếp nhận vốn đối ứng và theo dõi vốn nước ngoài cấp phát cho dự án tại tỉnh.

II. LẬP VÀ ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH VỐN CHO DỰ ÁN

2.1- Hàng năm, căn cứ vào các quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; căn cứ các chế độ, định mức chi được quy định đối với dự án, Ban Quản lý dự án Trung ương xây dựng dự toán ngân sách năm kế hoạch của dự án trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp vào dự toán ngân sách năm (đầu tư xây dựng cơ bản) của Bộ, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt.

2.2- Nội dung kế hoạch vốn dự án cần thể hiện chi tiết các công việc sẽ được thực hiện, nguồn vốn vay và viện trợ, tiến độ rút vốn vay và viện trợ và vốn đối ứng cần thiết cho từng hạng mục của dự án.

2.3- Căn cứ vào dự toán ngân sách năm được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ vốn cho dự án và thông báo cho Ban Quản lý dự án Trung ương.

Sau khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo, Ban Quản lý dự án Trung ương xây dựng dự toán chi tiết phù hợp với thông báo kế hoạch trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

Căn cứ vào dự toán ngân sách chi tiết năm của dự án đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, Ban Quản lý dự án Trung ương lập kế hoạch rút vốn. Nội dung kế hoạch rút vốn được chi tiết theo quý, theo từng nội dung công việc và theo từng nguồn vốn tài trợ kể cả vốn đối ứng, trong đó phải lập kế hoạch riêng cho các hạng mục được thanh toán theo hình thức tài khoản đặc biệt. Kế hoạch này phải được đăng ký với Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) đồng gửi cho các cơ quan liên quan (Tổng cục Đầu tư, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Trên cơ sở kế hoạch rút vốn năm đã đăng ký, hàng quý Ban Quản lý dự án Trung ương lập kế hoạch rút vốn quý qua tài khoản đặc biệt gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) để xem xét, phê duyệt. Kế hoạch này phải được chi tiết theo nội dung công việc và tỷ lệ tài trợ của từng nguồn vốn (vốn vay, vốn viện trợ).

Trong kế hoạch đăng ký với Bộ Tài chính cần nêu rõ các hoạt động và số vốn do cấp Trung ương thực hiện và các hoạt động và vốn do từng cấp địa phương thực hiện.

Biểu mẫu đăng ký kế hoạch theo quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước số 81/1998/TC-NH ngày 17/6/1998 hướng dẫn quy trình, thủ tục và quản lý việc rút vốn đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

2.4- Dự toán ngân sách được duyệt của dự án được Tổng cục Đầu tư Phát triển thông báo cho các Cục Đầu tư Phát triển địa phương liên quan để theo dõi việc sử dụng vốn và cấp phát vốn của dự án.

III. NGUYÊN TẮC CẤP PHÁT, ĐỊNH MỨC, ĐƠN GIÁ THANH TOÁN TRONG VIỆC SỬ DỤNG VỐN VAY, VỐN VIỆN TRỢ, VỐN ĐỐI ỨNG

3.1. Nguyên tắc cấp phát:

3.1.1- Đối với đầu tư lâm sinh:

- Khoanh khoanh nuôi bảo vệ rừng được cấp phát hàng tháng;

- Trồng rừng được cấp phát thanh toán theo từng giai đoạn kỹ thuật hợp lý, bao gồm:

- Chuẩn bị giống, phân bón và các điều kiện để trồng rừng,

- Thực hiện trồng rừng,

- Chăm sóc và bảo vệ năm thứ nhất.

Việc cấp phát được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ, dự án được ứng trước 30% dự toán được duyệt. Khi chủ dự án thực hiện đạt tiến độ 50%, được ứng tiếp 40%. Cuối năm, sau khi có biên bản nghiệm thu được phê duyệt, Cục Đầu tư Phát triển thanh toán khối lượng còn lại của dự toán.

3.1.2- Đối với vốn đầu tư hạ tầng, phúc lợi công cộng được quản lý cấp phát theo Điều lệ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

3.1.3- Đối với vốn mang tính chất sự nghiệp:

- Tiền chi phí Ban quản lý dự án, khuyến nông, khuyến lâm thực hiện cấp tạm ứng hàng tháng: Hết tháng, đơn vị ứng tiền có trách nhiệm thanh toán với Cục Đầu tư Phát triển số tiền đã ứng theo đúng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các chế độ hiện hành của Nhà nước. Sau khi kiểm tra việc thanh toán nói trên, Cục Đầu tư Phát triển ứng tiếp tiền chi phí của tháng sau.

- Tiền chi cho công tác di, dân dân của dự án được cấp phát theo thực tế số hộ di dân đến vùng dự án nằm trong kế hoạch năm được duyệt. Các Ban quản lý dự án được Cục Đầu tư Phát triển ứng trước 50% tiền được duyệt cho từng đợt di, dân dân. Sau khi hoàn thành đợt di, dân dân, các Ban quản lý dự án có trách nhiệm lập hồ sơ thanh toán có xác nhận của cơ quan di dân tỉnh để cấp phát số tiền còn lại theo chế độ quy định.

3.2- Định mức, đơn giá thanh toán:

3.2.1- Đào tạo, hội thảo trong nước:

Mức chi bình quân không quá 200 USD/người/tuần (bao gồm chi tài liệu, ăn ở, báo cáo viên...).

3.2.2- Đào tạo huấn luyện ngoài nước:

Mức chi cho cán bộ tham gia đào tạo, huấn luyện ngoài nước được áp dụng theo Thông tư số 32-TC/TCĐN ngày 21/4/1995 và Thông tư số 44-TC/TCĐN ngày 21/5/1994 của Bộ Tài chính.

3.2.3- Chi cho chuyên gia tư vấn:

Việc tuyển chọn chuyên gia cần thực hiện theo các quy định trong nước (Nghị định số 43/CP, Nghị định số 93/CP) và quy định của các nhà tài trợ. Hồ sơ

chuyên gia tư vấn (ngoài nước và trong nước) phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chính thức bằng văn bản.

Chuyên gia tư vấn trong nước: các chuyên gia tư vấn trong nước cần phải được tuyển chọn chặt chẽ căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của dự án, chuyên môn nghiệp vụ của chuyên gia và các quy định về tuyển chọn chuyên gia tư vấn hiện hành. Mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước được hưởng không quá 500 USD/tháng.

3.2.4- Đối với các khối lượng xây dựng cơ bản: áp dụng các định mức, đơn giá xây dựng cơ bản hiện hành.

3.2.5- Đối với các khối lượng về lâm sinh như trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng được áp dụng theo các định mức của Nhà nước như đối với các dự án thuộc chương trình 5 triệu ha rừng (theo Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ) và được điều chỉnh tùy từng thời điểm.

3.2.6- Đối với các khối lượng công việc khác thực hiện theo các quy định hiện hành.

3.2.7- Trường hợp chưa có định mức, đơn giá, áp dụng định mức do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng liên quan khác.

IV. LUÂN CHUYỂN VỐN NGOÀI NƯỚC GIỮA CÁC CẤP

4.1- Rút vốn từ IDA để thanh toán trực tiếp và thủ tục thư cam kết đặc biệt:

Thủ tục này được thực hiện ở cấp Trung ương.

Căn cứ yêu cầu thanh toán của người cung cấp hàng hóa, dịch vụ, trên cơ sở kiểm tra, xác nhận yêu cầu đã đủ điều kiện thanh toán, Ban Quản lý dự án Trung ương chuẩn bị đơn xin rút vốn từ tài khoản vay, viện trợ và các tài liệu cần thiết để gửi Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại). Hồ sơ thanh toán gồm:

- Đơn xin rút vốn theo mẫu.
- Công văn đề nghị rút vốn.
- Bản sao hợp đồng mua sắm hàng hóa thiết bị (chỉ gửi 1 lần).

- Bản sao hợp đồng chuyên gia tư vấn (chỉ gửi 1 lần).

- Bản sao hợp đồng kinh tế khác (chỉ gửi 1 lần).

- Các tài liệu chứng minh hợp đồng hợp lệ (văn bản phê chuẩn hợp đồng của Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ, ý kiến của IDA hoặc kết quả xét thầu đối với hợp đồng xây dựng và mua sắm hàng hóa trên 150.000 USD và hợp đồng thuê chuyên gia có giá trị trên 100.000 USD đối với công ty và trên 50.000 USD đối với cá nhân) (chỉ gửi 1 lần).

- Bảo lãnh ngân hàng (bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng) trong trường hợp tạm ứng theo hợp đồng.

- Bản sao vận đơn (trường hợp thanh toán trực tiếp giá trị hàng hóa) hoặc biên bản nghiệm thu.

Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ rút vốn hợp lệ, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) xem xét kiểm tra và có ý kiến bằng văn bản gửi Ban Quản lý dự án Trung ương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên cơ sở ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính, trong thời gian tối đa 2 ngày làm việc, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ban Quản lý dự án Trung ương ký đơn xin rút vốn gửi IDA để thanh toán cho người thụ hưởng (nhà thầu, nhà cung cấp).

Sau khi nhận được thông báo của IDA về việc đã thanh toán theo đơn rút vốn, Ban Quản lý dự án Trung ương có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) để làm thủ tục hạch toán ngân sách (ghi thu vay nợ, viện trợ; ghi chi cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Việc luân chuyển chứng từ và mối quan hệ giữa các cơ quan trong thanh toán trực tiếp và cam kết đặc biệt được thể hiện trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2(*).

4.2- Rút vốn về tài khoản đặc biệt:

Việc rút vốn lần đầu về tài khoản đặc biệt được thực hiện trên cơ sở các Hiệp định đã có hiệu lực, dự toán ngân sách hàng năm được duyệt và kế hoạch rút vốn đã được đăng ký của dự án.

Việc rút vốn bổ sung tài khoản đặc biệt được thực hiện trên cơ sở dự toán ngân sách hàng năm được duyệt và kế hoạch rút vốn đã được đăng ký của dự

án và các khoản chi tiêu hợp lệ đã thực thanh toán từ tài khoản đặc biệt của dự án.

Để rút vốn về tài khoản đặc biệt, Ban Quản lý dự án chuẩn bị các tài liệu sau gửi Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại):

- Đơn xin rút vốn theo mẫu của IDA.
- Công văn đề nghị rút vốn.

Trường hợp rút vốn bổ sung tài khoản đặc biệt, Ban Quản lý dự án Trung ương gửi thêm cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) các tài liệu sau:

- Bảng kê chi tiêu do Ban Quản lý dự án Trung ương lập.

- Các chứng từ thanh toán có xác nhận của Bộ Tài chính (Cục Đầu tư Phát triển nơi cấp vốn).

- Đối với các khoản rút từ tài khoản đặc biệt để hoàn vốn lại cho các Cục Đầu tư Phát triển theo quy định tại Phần 5.3 dưới đây, không cần có xác nhận của Tổng cục Đầu tư Phát triển nhưng phải kèm sao kê của Cục Đầu tư Phát triển nơi ứng vốn (bản sao).

- Bảng kê chi tiết việc sử dụng tài khoản đặc biệt của dự án do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập.

Căn cứ Hiệp định vay và Hiệp định viện trợ, dự toán ngân sách được duyệt và kế hoạch rút vốn đã đăng ký của dự án, trong thời gian 5 ngày làm việc, Bộ Tài chính xem xét có ý kiến bằng văn bản gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý dự án Trung ương.

Trên cơ sở ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính, trong thời gian không quá 2 ngày làm việc, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ban Quản lý dự án Trung ương ký đơn rút vốn gửi IDA.

Sau khi nhận được thông báo tiền đã chuyển vào tài khoản đặc biệt của dự án, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo ngay bằng văn bản cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại, Tổng cục Đầu tư Phát triển) và Ban quản lý dự án Trung ương.

Quy trình rút vốn về tài khoản đặc biệt được thể hiện trong sơ đồ tại Phụ lục 3(*).

V. THỰC HIỆN CẤP PHÁT VỐN TỪ TÀI KHOẢN ĐẶC BIỆT

Cấp phát từ tài khoản đặc biệt trên cơ sở các khoản chi tiêu hợp lệ: đúng nội dung dự án, có trong dự toán ngân sách được duyệt và kế hoạch rút vốn đã được đăng ký và đúng chế độ, đúng phân cấp quản lý và xét duyệt chi của dự án.

Việc xác nhận các khoản thanh toán cho dự án tại cấp Trung ương (từ tài khoản đặc biệt để thanh toán cho chi tiêu của Ban Quản lý dự án Trung ương) sẽ thực hiện qua Cục Đầu tư Phát triển nơi Ban Quản lý dự án Trung ương mở tài khoản.

Việc kiểm tra và cấp phát vốn (kể cả vốn đối ứng) cho dự án tại cấp địa phương được thực hiện qua Cục Đầu tư Phát triển tỉnh.

5.1- Cấp phát tại cấp trung ương.

Mỗi khoản thanh toán từ tài khoản đặc biệt đều phải tuân thủ theo tỷ lệ vốn nước ngoài/vốn trong nước quy định trong các Hiệp định vay và Hiệp định viện trợ. Trường hợp phát hiện thanh toán không đúng tỷ lệ quy định, Bộ Tài chính sẽ đình chỉ việc rút vốn bổ sung cho khoản chi đó.

Căn cứ vào dự toán ngân sách được duyệt, kế hoạch rút vốn năm đã được đăng ký, kế hoạch rút vốn quý qua tài khoản đặc biệt được Tổng cục Đầu tư Phát triển duyệt, căn cứ vào khối lượng công việc đã đủ điều kiện thanh toán của dự án, Ban Quản lý dự án Trung ương đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thanh toán từ tài khoản đặc biệt (riêng đối với các khoản thanh toán lần cuối của các hợp đồng hoặc trường hợp hợp đồng được thanh toán một lần thì cần có sự xác nhận trước của Bộ Tài chính (Cục Đầu tư Phát triển Hà Nội)).

Để có cơ sở bổ sung tài khoản đặc biệt, Ban Quản lý dự án Trung ương gửi các tài liệu sau cho Cục Đầu tư Phát triển Hà Nội để xác nhận tính hợp lệ của các khoản chi từ tài khoản đặc biệt theo kế hoạch nói trên:

- Quyết định trúng thầu (chỉ gửi 1 lần).
- Các hợp đồng kinh tế ký giữa Ban Quản lý dự án Trung ương với các đơn vị trúng thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ quy định (chỉ gửi 1 lần).

- Các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giữa chủ dự án với các nhà thầu và các chứng từ khác liên quan.

Trong vòng 5 ngày làm việc, Cục Đầu tư Phát triển Hà Nội xem xét, thẩm tra tính hợp lệ của từng khoản chi và có công văn xác nhận gửi Ban Quản lý dự án Trung ương.

Quy trình chuyển vốn thanh toán cho Ban Quản lý dự án Trung ương như mô tả tại Phụ lục 4(*).

5.2- Cấp phát tại địa phương.

Vốn đối ứng trong kế hoạch hàng năm được duyệt và được Tổng cục Đầu tư Phát triển thông báo cho các Cục Đầu tư Phát triển được sử dụng để (i) cấp vốn đối ứng cho dự án theo tiến độ công việc và (ii) làm nguồn ứng vốn để thanh toán hoặc tạm ứng cho các đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng hợp lệ của các Ban quản lý dự án tỉnh.

Các đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng hợp lệ của dự án là các đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng cho các hoạt động của dự án được thực hiện theo đúng tỷ trọng được quy định trong các Hiệp định, các thủ tục hiện hành của IDA và của Chính phủ Việt Nam, đủ điều kiện thanh toán hoặc tạm ứng đồng thời áp dụng nguyên tắc, định mức cấp phát quy định trong Phần III của Thông tư này.

Cục Đầu tư Phát triển tỉnh căn cứ vào hạn mức vốn đối ứng hàng năm được thông báo của dự án tại tỉnh, thực hiện việc thanh toán hoặc tạm ứng cho các đề nghị thanh toán hợp lệ của Ban quản lý dự án tỉnh.

Sau khi thanh toán hoặc tạm ứng cho dự án, Cục Đầu tư Phát triển tỉnh thực hiện các thủ tục hoàn vốn đối với phần vốn đã ứng thanh toán hoặc tạm ứng thay cho phần vốn nước ngoài như quy định tại Phần 5.3 dưới đây.

Để được cấp vốn, Ban quản lý dự án tỉnh gửi đến Cục Đầu tư phát triển tỉnh các văn bản sau:

- Đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng vốn có phân theo tỷ lệ tài trợ của từng nguồn tài trợ.

- Kế hoạch vốn năm của dự án do cơ quan cấp trên thông báo kể cả các chỉ tiêu trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được giao (chỉ gửi 1 lần).

- Dự toán, tổng dự toán (kể cả bổ sung) được cấp có thẩm quyền phê duyệt (1 lần).

- Quyết định trúng thầu (gửi 1 lần).

- Các hợp đồng kinh tế ký giữa Ban Quản lý dự án và các hộ (về vốn đầu tư lâm sinh), với các đơn vị nhận thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chế độ quy định.

- Các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giữa chủ dự án với các hộ nhận khoán, các nhà thầu và các chứng từ khác liên quan.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đầu tư Phát triển tỉnh có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra khối lượng công việc hoặc khối lượng xây dựng cơ bản đã đủ điều kiện cấp vốn hoặc tạm ứng, thực hiện việc thanh toán hoặc tạm ứng cho Ban quản lý dự án tỉnh theo đúng chế độ quy định.

Quy trình cấp phát tại cấp địa phương được thể hiện trong sơ đồ tại Phụ lục 5(*).

5.3 - Hoàn vốn cho các Cục Đầu tư Phát triển tỉnh.

5.3.1- Sau khi cấp phát vốn đối ứng và ứng vốn nước ngoài cho Ban quản lý dự án tỉnh (hoặc tối đa không quá 1 tháng trong trường hợp dự án có chi tiêu trong tháng), Cục Đầu tư Phát triển tỉnh lập đề nghị hoàn vốn gửi Ban quản lý dự án tỉnh, đồng gửi Tổng cục Đầu tư Phát triển.

Đề nghị hoàn vốn gửi cho Ban quản lý dự án tỉnh được gửi kèm theo sao kê ứng vốn do Cục Đầu tư Phát triển lập chi tiết theo từng đợt ứng vốn, theo từng hạng mục, số vốn ứng và tỷ lệ tài trợ.

Trong vòng tối đa 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị hoàn vốn và sao kê vốn đã ứng do Cục Đầu tư Phát triển tỉnh lập, Ban quản lý dự án tỉnh xem xét, xác nhận việc đã được thanh toán hoặc tạm ứng và gửi Ban Quản lý dự án Trung ương đề nghị hoàn vốn cho Cục Đầu tư Phát triển tỉnh.

Trong vòng tối đa 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị hoàn vốn của Ban Quản lý dự án tỉnh, Ban Quản lý dự án Trung ương lập đề nghị rút vốn từ tài khoản đặc biệt của dự án gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sau khi nhận được đề nghị rút vốn của Ban Quản lý dự án Trung ương, trong vòng tối đa 2 ngày làm việc, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển tiền hoàn vốn cho Cục Đầu tư Phát triển tỉnh, đồng thời thông báo lại cho Ban Quản lý dự án Trung ương và Tổng cục Đầu tư Phát triển. Trong thông báo cần ghi rõ ngày chuyển tiền, số tiền chuyển và tỷ giá chuyển đổi tại thời điểm chuyển vốn.

Sau khi nhận được thông báo của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án Trung ương thông báo cho Ban quản lý dự án tỉnh để theo dõi việc sử dụng vốn.

Vốn hoàn trả cho Cục Đầu tư Phát triển được sử dụng làm một trong các nguồn để ứng vốn cho các đợt sau.

Trường hợp Cục Đầu tư không có đủ nguồn để ứng vốn (đối với phần vốn nước ngoài) cho Ban quản lý dự án tỉnh, Cục Đầu tư Phát triển có trách nhiệm báo cáo về Tổng cục Đầu tư Phát triển. Đối với trường hợp này, sau khi kiểm tra khối lượng công việc đủ điều kiện thanh toán hoặc đủ điều kiện tạm ứng, Cục Đầu tư có văn bản xác nhận yêu cầu thanh toán hợp lệ và gửi lại Ban quản lý dự án tỉnh. Ban quản lý dự án tỉnh gửi đề nghị thanh toán có xác nhận của Cục Đầu tư Phát triển lên Ban Quản lý dự án Trung ương để rút vốn thanh toán từ tài khoản đặc biệt của dự án.

Quy trình hoàn vốn lại cho Cục Đầu tư Phát triển tỉnh được thể hiện trong Phụ lục 5(*).

Mẫu sao kê được thể hiện trong Phụ lục 6(*).

VI. CẤP PHÁT, THANH TOÁN VỐN ĐỐI ỨNG

Trên cơ sở kế hoạch vốn đối ứng năm (có phân bổ cho cấp trung ương và cấp địa phương) được duyệt của dự án, hệ thống Tổng cục Đầu tư Phát triển thực hiện việc quản lý và cấp phát vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện dự án, phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý, cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

VII. SAO KÊ CỦA NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, LÃI TIỀN GỬI

7.1- Hàng tháng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) sao kê tài khoản đặc biệt của dự án tại ngân hàng, thể hiện số tiền rút về trong tháng; số sử dụng chi tiết theo từng lần sử dụng và tỷ giá; số dư cuối tháng.

7.2- Đối với các khoản rút từ tài khoản đặc biệt để hoàn vốn cho các Cục Đầu tư Phát triển tỉnh như quy định tại Phần 5.3, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần ghi rõ trong sao kê số và ngày công văn đề nghị hoàn vốn của Cục Đầu tư

Phát triển địa phương gửi kèm công văn rút vốn của Ban Quản lý dự án Trung ương.

7.3- Trong khi khoản tiền vay trên tài khoản đặc biệt chưa sử dụng có phát sinh lãi tiền gửi (lãi suất tiền gửi không kỳ hạn), ngày 5 hàng tháng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải nộp toàn bộ tiền lãi phát sinh từ tài khoản đặc biệt vào ngân sách nhà nước tài khoản quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch). Số tài khoản 331.213.020.1.

VIII. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, KIỂM TRA, BÁO CÁO VÀ QUYẾT TOÁN

8.1- Hạch toán kế toán:

Các Ban Quản lý dự án thực hiện việc hạch toán kế toán, thống kê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các Cục Đầu tư Phát triển địa phương thực hiện việc hạch toán, thống kê theo hướng dẫn của Tổng cục Đầu tư Phát triển.

8.2- Kiểm tra:

Cơ quan quản lý cấp trên của dự án, cơ quan quản lý chức năng ở Trung ương, địa phương, Tổng cục Đầu tư Phát triển có trách nhiệm kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, chế độ quản lý tài chính và thực tế triển khai của chủ dự án và phản ánh kịp thời những tồn tại, vướng mắc trong quá trình quản lý với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để có biện pháp giải quyết.

Những sai phạm (nếu có) được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra được xử lý theo các quy định hiện hành.

Các khoản cấp phát dự án sử dụng không đúng mục đích, sai chế độ phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước.

Hàng năm, tài khoản đặc biệt, sổ sách và hồ sơ kế toán của dự án phải được cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán phù hợp với các quy định của Nhà nước, các Hiệp định vay và Hiệp định viện trợ. Tài liệu kiểm toán sẽ được gửi cho Bộ Tài chính và là một trong những căn cứ để xem xét việc rút vốn bổ sung cho tài khoản đặc biệt hoặc rút vốn từ tài khoản đặc biệt để chi trả cũng như là căn cứ để đánh giá việc thực hiện dự án.

8.3- Báo cáo:

(*) Không in các phụ lục

Hàng tháng, Ban quản lý dự án tỉnh có trách nhiệm lập và gửi báo cáo thực hiện cho Cục Đầu tư Phát triển tỉnh nơi cấp vốn đồng gửi Ban Quản lý dự án Trung ương.

Các Cục Đầu tư Phát triển tỉnh nơi cấp vốn có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Tổng cục Đầu tư Phát triển tình hình cấp phát vốn và ứng vốn tại địa bàn. Hàng quý, trên cơ sở báo cáo của các Cục Đầu tư Phát triển, Tổng cục Đầu tư Phát triển tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính.

Hàng quý, Ban Quản lý dự án Trung ương có trách nhiệm báo cáo chi tiết về các khoản chi tiêu từ tài khoản đặc biệt theo mức đã được Bộ Tài chính duyệt cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại, Tổng cục Đầu tư Phát triển).

Sáu tháng một lần Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại, Tổng cục Đầu tư Phát triển), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước tình hình thực hiện các dự án trong đó có Dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn, tình hình sử dụng vốn vay, vốn viện trợ, vốn đối ứng của Chính phủ.

Hàng tháng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại), Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) sao kê chi tiêu tài khoản đặc biệt. Trong sao kê có nêu rõ số lãi phát sinh trong tháng và ngày chuyển trả lãi cho Bộ Tài chính.

Ban Quản lý dự án Trung ương hướng dẫn chi tiết chế độ mẫu biểu báo cáo của dự án.

8.4- Quyết toán vốn hàng năm và quyết toán khi kết thúc dự án:

Ban Quản lý dự án tại các địa phương lập báo cáo quyết toán phần chi tại địa phương có xác nhận của Cục Đầu tư Phát triển tỉnh nơi cấp phát vốn báo cáo Ban Quản lý dự án Trung ương.

Ban Quản lý dự án Trung ương lập báo cáo quyết toán phần chi tại Trung ương có xác nhận của cơ quan cấp phát vốn, đồng thời tổng hợp toàn bộ quyết toán của dự án trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện và quyết toán khi kết thúc dự án với Bộ Tài chính.

Phần IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Ban Quản lý dự án Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan khác liên quan cần phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu, sửa đổi và bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ số 03/1998/TT-TCHQ ngày 29/8/1998 hướng dẫn thi hành Chương III Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài.

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 02 năm 1990;

Thực hiện khoản 4, Điều 29 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài;

Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc thi hành Chương III về gia công với thương nhân nước ngoài quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP nói trên như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1- Hợp đồng gia công hàng hóa ký giữa thương nhân Việt Nam với thương nhân nước ngoài theo nội dung đã được quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ Việt Nam là căn cứ để cơ quan hải quan làm thủ tục xuất khẩu,